

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất của
các loại đất đã được phân bổ tại Quyết định số 2907/QĐ-UBND
ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch; số 61/2022/UBTVQH15 ngày 16/6/2022 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về việc sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các văn bản của Thủ tướng Chính phủ: Số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 về việc đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp; số 360/CT-TTg ngày 02/5/2023 về việc kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được

giao, tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT, ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Văn bản số 9843/BTNMT-QHPTTND ngày 20/11/2023 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc đề nghị giải quyết điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu đất thủy lợi, thì chỉ tiêu đất thủy lợi (DTL) do cấp tỉnh được xác định;

Căn cứ các kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Số 868-KL/TU ngày 19/8/2022 về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 2391-KL/TU ngày 29/6/2023 về điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất chuyên trồng lúa nước đã được phân bổ tại Kết luận số 868-KL/TU ngày 19/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh; số 2591-KL/TU ngày 04/12/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất thủy lợi đã được phân bổ tại Kết luận số 868-KL/TU ngày 19/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh.

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 về việc phê duyệt phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện; số 2598/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất chuyên trồng lúa nước đã được phân bổ tại Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1768/TTr - STNMT ngày 25/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất của các loại đất đã được phân bổ tại Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh trên địa bàn các huyện, thị xã: *Chi tiết theo phụ lục kèm theo Quyết định này.*

Điều 2. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung giữ nguyên theo Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 và Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh.

Điều 3. Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện) có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố được điều chỉnh giảm chỉ tiêu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải và đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng theo quy định; rà soát cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hằng năm, đảm bảo chỉ tiêu đã được điều chỉnh; hướng dẫn UBND huyện Như Xuân kịp thời cập nhật bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất thủy lợi thực hiện dự án Hồ chứa nước Bản Mòng vào hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ và quy định khác của pháp luật liên quan, trình cấp thẩm quyền phê duyệt; hoàn thành xong trước ngày 30/01/2024.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan cập nhật, hoàn thiện hồ sơ kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) tỉnh Thanh Hóa và thực hiện trình tự, thủ tục thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan thực hiện trình tự, thủ tục cập nhật vào hồ sơ quy hoạch vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan có sử dụng đất bảo đảm tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất, đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tỉnh, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021 - 2025) tỉnh Thanh Hóa.

d) Tiếp tục theo dõi, kiểm tra kết quả thực hiện, tổng hợp báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh chỉ tiêu giữa các địa phương chưa sử dụng, sử dụng chưa hiệu quả cho các địa phương có cơ hội thu hút đầu tư, khai thác sử dụng tài nguyên đất hiệu quả, bền vững; đồng thời làm cơ sở để UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2026 - 2030) tỉnh Thanh Hóa theo quy định của pháp luật, đảm bảo đủ chỉ tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

đ) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về sự phù hợp, tính chính xác của số liệu, dữ liệu, không gian sử dụng đất trong điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất của các loại đất được phân bổ; đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 và Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương cập nhật nội dung điều chỉnh được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này vào hồ sơ quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt (nếu có) theo đúng quy định.

3. UBND các huyện, thị xã thuộc đối tượng điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, cập nhật thông tin, số liệu điều chỉnh chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải và đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng, đất thủy lợi để cập nhật kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, trình cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh phân bổ.

b) Thực hiện việc xác định trên thực địa và khoanh định trên nền bản đồ địa chính đối với việc điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất được điều chỉnh, bổ sung, làm cơ sở xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh liên quan rà soát, tổ chức cập nhật kịp thời vào hồ sơ quy hoạch vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan có sử dụng đất đảm bảo thống nhất, phù hợp với không gian và chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ theo quy định.

d) Thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng phải có kế hoạch cụ thể phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. UBND cấp huyện triển khai chỉ tiêu sử dụng đất phải dựa trên kế hoạch huy động tài chính cho công tác thu hồi đất, tái định cư, thu hút các dự án đầu tư, chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng đất, không để đất hoang hóa; đảm bảo hiệu quả cả về kinh tế - xã hội và môi trường, phát triển bền vững.

đ) Tập trung nguồn lực thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu sử dụng đất được điều chỉnh, bổ sung. Quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh nhu cầu sử dụng đất đáp ứng yêu cầu các dự án cấp thiết, trọng điểm, có tính đột phá phải thực hiện nhằm phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; UBND huyện tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu) nhằm điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với quy định hoặc trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ và lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2026-2030) theo quy định.

e) UBND huyện Như Xuân khẩn trương thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục trình cấp thẩm quyền thông qua, quyết định cập nhật đầy đủ chỉ tiêu sử dụng đất thủy lợi phục vụ dự án Hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Nghệ An trong hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/01/2024.

4. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao và căn cứ chỉ tiêu sử dụng đất được phê duyệt điều chỉnh, bổ

sung tại Điều 1 Quyết định này để triển khai lập, cập nhật vào hồ sơ quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất liên quan đến ngành mình, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với không gian và chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và cập nhật kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; UBND các huyện, thị xã: Quan Hóa, Bá Thước, Cẩm Thủy, Thọ Xuân, Thường Xuân, Triệu Sơn, Như Xuân, thị xã Bỉm Sơn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Thị ủy Bỉm Sơn (để p/hợp);
- Các Huyện ủy: Quan Hóa; Bá Thước; Cẩm Thủy; Thọ Xuân; Thường Xuân; Triệu Sơn; Như Xuân (để p/hợp);
- HĐND các huyện, thị xã: Quan Hóa; Bá Thước; Cẩm Thủy; Thọ Xuân; Thường Xuân; Triệu Sơn; Như Xuân;
- Lưu: VT, NN&HĐND.

(MC11.01.24)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục:

**Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu các loại đất đã được phân bổ tại
Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 214 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu theo Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	Chỉ tiêu diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Chỉ tiêu điều chỉnh đến năm 2030	Tăng, giảm theo Kết luận số 2591-KL/TU ngày 04/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
I	Thị xã Bầm Sơn					Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh
1	Đất nông nghiệp	<i>NNP</i>	2.308,44	2.318,44	10,00	
2	Đất phi nông nghiệp	<i>PNN</i>	3.522,60	3.512,60	-10,00	
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	88,9	88,9		
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	21,72	11,72	-10,00	
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	33,29	33,29		
II	Huyện Quan Hóa					Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Quyết định 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh
1	Đất nông nghiệp	<i>NNP</i>	91.412,65	91.419,65	7,00	
2	Đất phi nông nghiệp	<i>PNN</i>	4.396,56	4.389,56	-7,00	
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	88,9	88,9		
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	33,29	26,29	-7,00	
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	210,61	210,61		
III	Huyện Bá Thước					Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Quyết định 2907/QĐ-
1	Đất nông nghiệp	<i>NNP</i>	70.588,75	70.598,75	10,00	

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu theo Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	Chỉ tiêu diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Chỉ tiêu điều chỉnh đến năm 2030	Tăng, giảm theo Kết luận số 2591-KL/TU ngày 04/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.110,74	7.100,74	-10,00	UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh
-	Đất thủy lợi	DTL	145,02	145,02		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	17,52	7,52	-10,00	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	381,44	381,44		
IV	Huyện Cẩm Thủy					Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Quyết định 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh
1	Đất nông nghiệp	NNP	34.795,45	34.810,45	15,00	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.382,00	7.367,00	-15,00	
-	Đất thủy lợi	DTL	307,46	307,46		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	30,69	15,69	-15,00	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	249	249		
V	Huyện Thọ Xuân					Phụ lục số 15 ban hành kèm theo Quyết định 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh
1	Đất nông nghiệp	NNP	17.628,19	17.690,19	62,00	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	11.462,10	11.400,10	-62,00	
-	Đất thủy lợi	DTL	840,94	840,94		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	46,01	29,01	-17,00	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	307,43	262,43	-45,00	
VI	Huyện Thường Xuân					Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Quyết định 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh
1	Đất nông nghiệp	NNP	100.212,91	100.242,91	30,00	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.695,78	9.665,78	-30,00	

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu theo Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	Chỉ tiêu diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Chỉ tiêu điều chỉnh đến năm 2030	Tăng, giảm theo Kết luận số 2591-KL/TU ngày 04/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
-	Đất thủy lợi	DTL	2.959,70	2959,7		UBND tỉnh
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	41,46	11,46	-30,00	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	265,87	265,87		
VII	Huyện Triệu Sơn					Phụ lục số 17 ban hành kèm theo Quyết định 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh
1	Đất nông nghiệp	NNP	17.720,73	17.840,73	120,00	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	11.140,09	11.020,09	-120,00	
-	Đất thủy lợi	DTL	583,32	583,32		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	48,69	13,69	-35,00	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	315,18	230,18	-85,00	
VIII	Huyện Như Xuân					Phụ lục số 22 ban hành kèm theo Quyết định 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh
1	Đất nông nghiệp	NNP	62.532,61	62.278,61	-254,00	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.537,28	9.791,28	254,00	
-	Đất thủy lợi	DTL	168,08	438,76	270,68	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	30,27	13,59	-16,68	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	181,17	181,17		